

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh
B.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Ông Lò Văn Khệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTL, sinh 1988, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh CVB, sinh 1987, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông NTT, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông NTT, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Bà LTK, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Ông ĐVV, bà NTH, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Ông LVB, trú tại: Bản SL, xã CC, huyện MS, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Bà ĐTB, trú tại: Bản SL, xã CC, huyện MS, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Bà LTSA, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Ông LVP, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Ông LVT, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Ông LVT, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Ông CVP, trú tại: Bản HH, xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Bà DTX, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.
Ông QVĐ, trú tại: Bản NT, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTL trình bày:

Chị và anh CVB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 05/12/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện MS, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh CVB không chăm lo xây dựng gia đình thường xuyên rượu chè, dẫn đến đánh đập vợ con. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTL xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh CVB.

Về con chung: Có con là Cà Văn Đức, sinh ngày 11/10/2008 và Cà Thị Linh Chi, sinh ngày 25/9/2013. Nguyên vọng chị muốn được nuôi con Cà Thị Linh Chi, để cháu Cà Văn Đức cho anh CVB nuôi, đề nghị theo nguyện vọng của con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Như đất đai, nhà, xe máy, tài sản vật dụng trong nhà mà chị kê khai trong đơn khởi kiện hiện không còn, do anh CVB đã bán hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai người đã thỏa thuận trả nợ theo biên bản ngày 13/02/2019 như sau:

Chị LTL có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Bà LTK, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL, số tiền nợ 2.800.000, đồng đã trả được 2.000.000, đồng còn nợ là 800.000, đồng;

Ông ĐVV, bà NTH, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 31.000.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Ông LVB, trú tại: Bản SL, xã CC, huyện MS, tỉnh SL. Số tiền nợ là 15.000.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Bà LTSA, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 3.400.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Bà ĐTB, trú tại: Bản SL, xã CC, huyện MS, tỉnh SL. Số tiền nợ là 19.000.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Anh CVB có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 12.000.000, đồng;

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 12.000.000, đồng;

Ông LVP, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 2.070.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Ông LVT, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 800.000, đồng đến nay chưa thanh toán.

Ông LVT, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 11.070.000, đồng đã trả được 8.500.000, đồng nay còn nợ 2.570.000, đồng;

Ông CVP, trú tại: Bản HH, xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 7.000.000, đồng nay còn nợ 7.000.000, đồng;

Bà DTX, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 13.234.000, đồng nay còn nợ 13.234.000, đồng;

Ông QVĐ, trú tại: Bản NT, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 8.000.000, đồng nay còn nợ 8.000.000, đồng;

Bị đơn anh CVB trình bày:

Anh xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTL, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh không đồng ý ly hôn chị LTL.

Về con chung: Có con là Cà Văn Đức, sinh ngày 11/10/2008 và Cà Thị Linh Chi, sinh ngày 25/9/2013. Nguyên vọng anh muốn được nuôi con, đề nghị theo nguyện vọng của con và không yêu cầu chị LTL cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng: Như đất đai, nhà, xe máy, tài sản vật dụng trong nhà đều không còn và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai người đã thỏa thuận trả nợ theo biên bản ngày 13/02/2019 như lời trình bày trên của chị LTL là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML trình bày: Tính đến ngày 05/5/2021 anh CVB và chị LTL còn nợ số tiền gốc là 12.000.000, đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV201600756, mã khách hàng 7905236123521. Nay hai người ly hôn Ngân hàng nhất trí để anh CVB là người có trách nhiệm thanh toán trả nợ gốc và lãi phát sinh;

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL. trình bày: Tính đến ngày 05/5/2021 anh CVB còn nợ tiền gốc là 12.000.000, đồng, hiện nay vẫn đang trả đều, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà LTK trình bày: Gia đình bà cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền 2.800.000, đồng chị LTL đã trả được 2.000.000, đồng còn nợ là 800.000, đồng, số tiền còn nợ ít để tự hai giải quyết, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông ĐVV, bà NTH trình bày: Gia đình ông bà cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 31.000.000, đồng đến nay chị LTL đã thanh toán xong, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông LVB trình bày: Gia đình ông cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 15.000.000, đồng đến nay chị LTL đã thanh toán xong, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà LTSA trình bày: Gia đình bà cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 3.400.000, đồng đến nay chị LTL đã thanh toán xong, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà ĐTB trình bày: Bà cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 19.000.000, đồng đến nay chị LTL đã thanh toán xong, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông LVP trình bày: Ông cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 2.070.000, đồng đến nay anh CVB đã thanh toán xong, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông LVT trình bày: Ông cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 800.000, đồng đến nay chưa thanh toán. Số tiền còn nợ ít để tự hai giải quyết, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông LVT trình bày: Ông cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 11.070.000, đồng anh CVB đã trả được 8.500.000, đồng nay còn nợ 2.570.000, đồng, Nay hai người ly hôn ông yêu cầu anh CVB là người có trách nhiệm trả khoản còn nợ và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông CVP trình bày: Ông cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 7.000.000, đồng nay còn nợ 7.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn ông yêu cầu anh CVB là người có trách nhiệm trả khoản còn nợ và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Bà DTX trình bày: Bà cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 13.234.000, đồng nay còn nợ 13.234.000, đồng. Nay hai người ly hôn bà yêu cầu anh CVB là người có trách nhiệm trả khoản còn nợ và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông QVĐ trình bày: Ông cho hai vợ chồng anh CVB và chị LTL vay số tiền là 8.000.000, đồng nay còn nợ 8.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn ông yêu cầu anh CVB là người có trách nhiệm trả khoản còn nợ và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị LTL được ly hôn anh CVB.

Về con chung: Giao cho chị LTL trực tiếp nuôi con Cà Thị Linh Chi, sinh ngày 25/9/2013, anh CVB trực tiếp nuôi con Cà Văn Đức, sinh ngày 11/10/2008 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Anh CVB có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền gốc là 12.000.000, đồng và lãi theo hợp đồng tín dụng số LAV201600756, mã khách hàng 7905236123521;

Ông LVT số tiền là 2.570.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông CVP số tiền là 7.000.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Bà DTX số tiền là 13.234.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông QVĐ số tiền là 8.000.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Chấp nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL; bà LTK, bà NTH (Vinh), ông LVB, bà LTSA, bà ĐTB, ông LVP, ông LVT đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chị LTL chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, đều có đề nghị được xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTL và anh CVB có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau, anh CVB không chăm lo xây dựng gia đình thường xuyên rượu chè, dẫn đến đánh đập vợ con. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTL và anh CVB đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTL yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTL được ly hôn anh CVB.

[3] Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của các cháu, cần giao cho anh CVB trực tiếp nuôi con là Cà Văn Đức, sinh ngày 11/10/2008. Chị LTL trực tiếp nuôi con là Cà Thị Linh Chi, sinh ngày 25/9/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Do các đương sự thống nhất được việc trả nợ cần chấp nhận:

Chị LTL có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Bà LTK số tiền nợ 2.800.000, đồng đã trả được 2.000.000, đồng còn nợ là 800.000, đồng;

Ông ĐVV, bà NTH số tiền nợ là 31.000.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Ông LVB số tiền nợ là 15.000.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Bà LTSA số tiền nợ là 3.400.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Bà ĐTB số tiền nợ là 19.000.000, đồng đến nay đã thanh toán xong;

Anh CVB có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền gốc là 12.000.000, đồng và lãi theo hợp đồng tín dụng số LAV201600756, mã khách hàng 7905236123521;

Ông LVT số tiền nợ 2.570.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông CVP số tiền nợ là 7.000.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Bà DTX số tiền nợ là 13.234.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông QVĐ số tiền nợ là 8.000.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông LVP số tiền nợ là 2.070.000, đồng đến nay anh CVB đã thanh toán xong.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL. Xác định anh CVB là người có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ gốc là 12.000.000, đồng và lãi;

Ông LVT xác định anh CVB là người có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ là 800.000, đồng;

Bà LTK xác định chị LTL có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ còn nợ là 800.000, đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL; bà LTK, bà NTH (Vinh), ông LVB, bà LTSA, bà ĐTB, ông LVP, ông LVT đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không giải quyết phần nợ nêu trên trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu và được giải quyết bằng vụ án khác.

Chị LTL chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTL được ly hôn anh CVB.

2. Về con chung: Giao cho chị LTL trực tiếp nuôi con Cà Thị Linh Chi, sinh ngày 25/9/2013, anh CVB trực tiếp nuôi con Cà Văn Đức, sinh ngày 11/10/2008 và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Anh CVB có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền gốc là 12.000.000, đồng (mười hai triệu đồng) và lãi, theo hợp đồng tín dụng số LAV201600756, mã khách hàng 7905236123521;

Ông LVT số tiền là 2.570.000, đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông CVP số tiền là 7.000.000, đồng (bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Bà DTX số tiền là 13.234.000, đồng (mười ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ông QVĐ số tiền là 8.000.000, đồng (tám triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

5. Về án phí:

Chị LTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004092 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã CC, huyện MS (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (13);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn

- Lưu: Hồ sơ, án văn.